

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính, phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính được ban hành mới thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Căn cứ Nghị định số 107/2021/NĐ-CP ngày 06/12/2021 về việc sửa đổi, bổ sung một số Điều của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23 tháng 11 năm 2018 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23 tháng 4 năm 2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính;

Căn cứ Quyết định số 2466/QĐ-BNN-VP ngày 20 ngày 6 tháng 2023 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường, Lâm nghiệp, Nông nghiệp, Thủy lợi, Thủy sản, Quản lý Đê điều và Phòng chống thiên tai, Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tại Tờ trình số 2951/TTr-SNN ngày 29 tháng 6 năm 2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố, phê duyệt kèm theo Quyết định này danh mục 01 thủ tục hành chính cấp tỉnh và 01 quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh được ban hành mới.

(Danh mục thủ tục hành chính và quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính kèm theo)

Trường hợp thủ tục hành chính công bố tại Quyết định này đã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền ban hành mới, sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ, hủy bỏ thì áp dụng thực hiện theo văn bản pháp luật hiện hành.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Điều 3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh và các cơ quan, đơn vị có liên quan có trách nhiệm tổ chức niêm yết, công khai danh mục thủ tục hành chính này tại trụ sở làm việc, trên Trang thông tin điện tử và tại Bộ phận tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả của đơn vị, địa phương; triển khai tiếp nhận và xử lý thủ tục hành chính cho người dân theo quy định tại Quyết định này.

Văn phòng UBND tỉnh có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn cập nhật nội dung các thủ tục hành chính đã được công bố lên Cơ sở dữ liệu quốc gia về thủ tục hành chính của Chính phủ.

Sở Thông tin và Truyền thông có trách nhiệm chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các cơ quan, đơn vị có liên quan thực hiện cấu hình, cập nhật các nội dung, quy trình thực hiện thủ tục hành chính được công bố trên phần mềm Một cửa điện tử (Egov) của tỉnh theo quy định. Thực hiện cấu hình, tích hợp, kết nối dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện lên Cổng dịch vụ công Quốc gia, Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh theo quy định.

Điều 4. Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Thông tin và Truyền thông; Trung tâm Phục vụ Hành chính công tỉnh và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục KSTTHC (VPCP);
- Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- TT. Tỉnh ủy,
- TT. HĐND tỉnh;
- UBND tỉnh;
- Chủ tịch, các Phó Chủ tịch UBND tỉnh;
- Báo Đồng Nai; Đài PT-TH Đồng Nai;
- Trung tâm kinh doanh VNPT (TĐ 1022);
- Lưu: VT, KGVX, TTHCC, Cổng TTĐT tỉnh.



CHỦ TỊCH

Cao Tiến Dũng



DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỜI THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN TỈNH ĐỒNG NAI

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)

DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC BAN HÀNH MỜI CẤP TỈNH

Stt	Mã TTHC	Tên thủ tục hành chính	Thời hạn giải quyết	Địa điểm thực hiện	Cơ quan thực hiện	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường								
1	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ phải thực hiện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: 65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.	- Nộp hồ sơ qua đường bưu điện đến Bộ phận một cửa của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (518 Đường Khơir, phường Tân Hiệp, TP. Biên Hòa, Đồng Nai).	- Cơ quan có thẩm quyền giải quyết: UBND tỉnh Đồng Nai - Cơ quan trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai (Phòng Kế toán tài chính)	Không quy định	Quyết định số 66/2015/QĐ-TTg ngày 25/12/2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định tiêu chí, thẩm quyền, trình tự, thủ tục công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao.	Những nội dung còn lại của TTHC thực hiện theo Quyết định số 2466/QĐ-BNN-VP ngày 20/6/2023 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc công bố thủ tục hành chính lĩnh vực khoa học, công nghệ và môi trường, lâm nghiệp, nông nghiệp, thủy lợi, thủy sản, quản lý đất đai và phòng, chống thiên tai, quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn



**QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH ĐƯỢC ĐƯỢC BAN HÀNH MỚI THUỘC THẨM QUYỀN
GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN
TỈNH ĐỒNG NAI**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1655/QĐ-UBND ngày 11 tháng 7 năm 2023
của Chủ tịch UBND tỉnh Đồng Nai)*

**Phần I
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ**

**DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ
TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH**

Stt	Mã TTHC	Tên quy trình	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận hồ sơ	Tình trạng cấu hình trên phần mềm Egov	Số trang
I.	Khoa học, Công nghệ và Môi trường					
1	1.011647	Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao	- Trường hợp hồ sơ hợp lệ: 30 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ phải thực hiện bổ sung, hoàn thiện hồ sơ: 65 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ.	Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Đồng Nai; số 518, Đường Đồng Khởi, Khu phố 3, Phường Tân Hiệp, TP Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai	Ban hành mới	2 - 3

Phần II

QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ

1. Công nhận vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ thời gian giải quyết **30 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (theo ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	01
Nhận và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	01
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Kế hoạch tài chính NN& PTNT	15
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo phòng Kế hoạch tài chính Sở NN& PTNT	01
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	01
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	10
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5

b) Trường hợp phải bổ sung, sửa đổi hồ sơ gian giải quyết **65 ngày làm việc** kể từ ngày nhận được hồ sơ.

Nội dung công việc		Đơn vị thực hiện	Thời gian giải quyết (theo ngày làm việc)
Tiếp nhận hồ sơ của Tổ chức/cá nhân; chuyển phòng chuyên môn xử lý	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	01
Nhận và chuyển hồ sơ cho phòng chuyên môn xử lý	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	01
Thẩm định và giải quyết hồ sơ	→	Phòng Kế hoạch tài chính NN& PTNT	50
Duyệt hồ sơ và trình Lãnh đạo Sở	→	Lãnh đạo phòng Kế hoạch tài chính Sở NN& PTNT	01
Ký duyệt và Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Văn phòng Sở	→	Lãnh đạo Sở NN& PTNT	01
Chuyển kết quả giải quyết hồ sơ về UBND tỉnh	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5
UBND tỉnh giải quyết hồ sơ	→	Văn phòng UBND tỉnh	10
Nhận kết quả từ UBND tỉnh và trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	→	Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả Sở NN& PTNT	0,5